

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về chất vấn tại Kỳ họp thứ Hai, Hội đồng nhân dân
tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 35/TTr-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về chất vấn tại Kỳ họp thứ Hai, Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031; trên cơ sở kết quả chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đánh giá chung về phiên chất vấn

Sau 01 buổi làm việc tập trung, nghiêm túc, dân chủ, thẳng thắn và trách nhiệm, với tinh thần tiếp tục đổi mới, thực chất, hiệu lực, hiệu quả, phiên chất vấn tại Kỳ họp thứ Hai, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI đã hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình, đã có 10 đại biểu chất vấn, 10 câu hỏi đối với **08 nhóm vấn đề**: (1) Khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế và quản lý đầu tư công trong lĩnh vực y tế; (2) Phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; (3) Tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ công; (4) Phát triển kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; (5) Quản lý đất đai, quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường; (6) Bảo tồn và phát huy

giá trị di sản văn hóa; (7) Bồi thường, hỗ trợ tái định cư và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân tại khu tái định cư; (8) Phòng, chống ma túy.

Các câu hỏi đại biểu đặt ra sát tình hình thực tế với tinh thần xây dựng cao, cách đặt vấn đề, nêu câu hỏi ngắn gọn, rõ ràng, bám sát nhóm vấn đề chất vấn, thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, yêu cầu làm rõ trách nhiệm cũng như đề xuất giải pháp khắc phục; nội dung chất vấn tại kỳ họp này là thiết thực, phù hợp với thực tiễn và đáp ứng sự kỳ vọng của cử tri và Nhân dân.

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành đã tiếp thu, trả lời cơ bản đầy đủ, trách nhiệm, nghiêm túc các nội dung đại biểu đặt ra, đi thẳng vào vấn đề được chất vấn, báo cáo cung cấp thêm thông tin, giải trình, làm rõ những vấn đề liên quan; bên cạnh đó cũng đã nhận trách nhiệm về những mặt còn tồn tại, hạn chế; đồng thời, đã đưa ra các giải pháp, lộ trình và cam kết khắc phục nhằm tạo sự chuyển biến tích cực trong thời gian tới, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của đại biểu.

Điều 2. Các nội dung chất vấn, trách nhiệm thực hiện và báo cáo

1. Công tác khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế (BHYT) và quản lý đầu tư công trong lĩnh vực y tế.

1.1. Dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện Sản - Nhi Phú Yên.

a) Kết quả thực hiện, trách nhiệm, hạn chế và nguyên nhân qua trả lời của người bị chất vấn (Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng Khu vực phía Đông)

Dự án đã hoàn thành toàn bộ khối lượng xây lắp và thiết bị xây dựng trên thực địa theo hồ sơ thiết kế được duyệt; hoàn tất các thủ tục kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy, đăng ký môi trường; kiểm định an toàn thang máy, hệ thống khí y tế, an toàn bức xạ phòng X-quang, độ sạch phòng mổ. Công trình đã bàn giao cho đơn vị thụ hưởng ngày 30/6/2026 để vận hành chạy thử; chuẩn bị thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh. Đối với thiết bị y tế, đã rà soát 65/88 danh mục để tiến hành thẩm định giá và tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Tuy nhiên, dự án chậm so với mốc thời gian chỉ đạo và cam kết: phần xây lắp, thiết bị xây dựng chậm 09 tháng so với yêu cầu hoàn thành trước ngày 30/9/2025; phần cung cấp, lắp đặt thiết bị y tế chậm 12 tháng so với kế hoạch ban đầu, dẫn đến phải gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2026 theo Quyết định số 02063/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nguyên nhân chủ yếu do công tác giải phóng mặt bằng chậm; công trình y tế chuyên sâu, phức tạp, nhiều thủ tục kiểm định, chạy thử; danh mục thiết bị phê duyệt ban đầu và danh mục cập nhật chưa thống nhất; phát sinh yêu cầu hoàn thiện theo công năng sử dụng; năng lực xử lý nội dung thiết bị y tế chuyên ngành của

chủ đầu tư còn hạn chế, mất nhiều thời gian rà soát cấu hình kỹ thuật. Bên cạnh đó, năng lực nhà thầu chưa đáp ứng yêu cầu tài chính, chậm cung cấp vật tư, thiết bị và nhân lực, Chủ đầu tư nhiều lần nhắc nhở nhà thầu chậm tiến độ (bằng Văn bản) và đã tổ chức xử phạt hợp đồng các đơn vị vi phạm tiến độ hoàn thành.

b) Giải pháp, thời hạn khắc phục người trả lời chất vấn cam kết thực hiện

Đối với phần xây lắp, hạ tầng kỹ thuật, tiếp tục phối hợp với Bệnh viện Sản - Nhi hoàn tất bàn giao thực địa, hồ sơ pháp lý và hỗ trợ đơn vị thụ hưởng thực hiện thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh tại cơ sở mới.

Đối với phần thiết bị y tế, thực hiện theo 02 đợt: Đợt 1, đối với 65/88 danh mục đã thống nhất, hoàn thành thẩm định giá, phê duyệt giá gói thầu và phát hành hồ sơ mời thầu trước ngày 10/7/2026; ký kết hợp đồng trước ngày 20/8/2026; lắp đặt, nghiệm thu, đưa vào sử dụng trước tháng 12/2026. Đợt 2, đối với 23 danh mục còn vướng về cấu hình độc quyền, chủ đầu tư phối hợp Hội đồng chuyên môn của Bệnh viện rà soát, điều chỉnh kỹ thuật để bảo đảm tính cạnh tranh; hoàn thành lựa chọn nhà thầu trước ngày 20/7/2026 và bàn giao đưa vào sử dụng đồng bộ trong năm 2026.

c) Trách nhiệm thi hành, báo cáo

Giám đốc Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu vực phía Đông chịu trách nhiệm thực hiện các giải pháp, thời hạn khắc phục những nội dung cam kết chất vấn nêu trên; báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước tháng 12/2026 để giám sát theo quy định.

1.2. Bệnh viện đa khoa Vùng Tây nguyên

a) Kết quả thực hiện, trách nhiệm, hạn chế và nguyên nhân qua trả lời của người bị chất vấn (đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực)

Ủy ban nhân dân tỉnh và đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực đã xác định việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên là nhiệm vụ cấp bách, nhằm bảo đảm hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, không bị gián đoạn. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức nhiều cuộc họp, ban hành các thông báo kết luận, văn bản chỉ đạo, đôn đốc; đồng thời báo cáo, đề nghị Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn xử lý đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

Đối với vướng mắc về Giấy phép môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất lập 01 Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho toàn bộ Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên quy mô 1.200 giường, trên cơ sở tích hợp Dự án Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên quy mô 800 giường và Dự án nâng cấp Khoa Ung

bướu thành Trung tâm Ung bướu quy mô 400 giường. Ngày 26/6/2026, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh đã hoàn thành hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường, nộp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (mã số hồ sơ H15.50-260626-100294).

Tuy nhiên, Bệnh viện còn nguy cơ gián đoạn việc thực hiện hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế do chưa hoàn tất Giấy phép hoạt động chính thức theo quy định; có thời điểm số lượng bệnh nhân điều trị nội trú vượt quy mô ghi trong Giấy phép hoạt động; một số hạng mục đã xuống cấp, hư hỏng cục bộ. Đặc biệt, hành lang cầu nổi số 02, một số đoạn liên quan và khu vực kè chắn bê tông phía nhà E hư hỏng, có nguy cơ mất an toàn cao, phải rào chắn, cảnh báo, cách ly.

Nguyên nhân chủ yếu do Bệnh viện chưa được cấp Giấy phép hoạt động chính thức theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh, dẫn đến thiếu cơ sở pháp lý để ký kết và tiếp tục thực hiện hợp đồng khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế kể từ ngày 01/7/2026 theo Điều 22 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; trong khi nhu cầu khám, chữa bệnh tăng cao, Bệnh viện là tuyến cuối của tỉnh và khu vực.

b) Giải pháp, thời hạn khắc phục người trả lời chất vấn cam kết thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo hoàn thành các thủ tục cấp Giấy phép môi trường và Giấy phép hoạt động cho Bệnh viện theo đúng quy mô thực tế; bảo đảm hoạt động khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế liên tục, ổn định, đúng quy định. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, đưa Trung tâm Ung bướu vào hoạt động nhằm nâng cao năng lực tiếp nhận, điều trị và giảm tải cho các khoa lâm sàng.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, bổ sung nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng đội ngũ y, bác sĩ; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phát triển chuyên khoa sâu; đồng thời nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở và các bệnh viện trên địa bàn, tăng cường phân tuyến, chuyển giao kỹ thuật để giảm áp lực cho Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, giám sát biện pháp kỹ thuật đối với các hạng mục mất an toàn như rào chắn, cách ly khu vực nguy hiểm, kiểm tra, theo dõi hiện trạng công trình, che chắn hạn chế tác động bất lợi, khảo sát phương án lối đi thay thế khi cần thiết và kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền nếu phát hiện dấu hiệu mất an toàn.

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục đôn đốc Thanh tra tỉnh sớm kết luận thanh tra dự án để làm rõ quá trình đầu tư, nghiệm thu, thanh quyết toán, quản lý, sử dụng tài sản công, xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan và kiến nghị xử lý theo quy định.

c) Trách nhiệm thi hành, báo cáo

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các giải pháp, thời hạn khắc phục những nội dung cam kết chất vấn nêu trên; lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo, phân công, đôn đốc triển khai đảm bảo tiến độ, kết quả thực hiện; Người bị chất vấn, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước tháng 12/2026 để giám sát theo quy định.

2. Công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Kết quả thực hiện, trách nhiệm, hạn chế và nguyên nhân qua trả lời của người bị chất vấn (đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực)

Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực đã tập trung chỉ đạo khắc phục hậu quả trận lũ lịch sử tháng 11/2025 do bão số 13 Kalmaegi và mưa lớn kéo dài; triển khai “Chiến dịch Quang Trung”, hoàn thành xây mới 606 căn nhà, sửa chữa 892 căn, khắc phục 5.455 căn bị tốc mái; khởi công 100 nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú bão lũ và phối hợp xây dựng 50 căn nhà phao chống lũ tại các địa bàn xung yếu. Công tác khắc phục hạ tầng giao thông được triển khai kịp thời, xử lý sạt lở, thông tuyến trên 06 tuyến quốc lộ và 14 tuyến tỉnh lộ; đang thi công 10 tuyến đường liên xã khoảng 15 km tại các khu vực xung yếu và xử lý các điểm sụt trượt trên Quốc lộ 25, ĐT.650.

Tuy nhiên, công tác dự báo, cảnh báo thiên tai trong một số thời điểm còn hạn chế, chưa theo kịp diễn biến cực đoan; hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai, hồ chứa nước và công trình giao thông được đầu tư từ nhiều năm trước đã xuống cấp, chưa đáp ứng được các kịch bản thời tiết vượt tần suất thiết kế; nhận thức, kỹ năng tự phòng tránh, ứng phó thiên tai của một bộ phận người dân tại cơ sở còn chưa cao.

Nguyên nhân chủ yếu là do thiên tai năm 2025 diễn biến dị thường, vượt quy luật nhiều năm; lượng mưa vượt giá trị lịch sử, đỉnh lũ trên sông Ba tại Củng Sơn vượt đỉnh lũ lịch sử năm 1993 là 1,09 m, sông Kỳ Lộ vượt đỉnh lũ lịch sử năm 2009 là 0,43 m, gây thiệt hại ước tính trên 9.730 tỷ đồng; nguồn lực đầu tư cho hạ tầng chống chịu thiên tai còn hạn chế, công tác thông tin, tuyên truyền kỹ năng ứng phó tại cộng đồng có lúc chưa sâu sát.

b) Giải pháp, thời hạn khắc phục người trả lời chất vấn cam kết thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp tỉnh giai đoạn 2026 - 2030; chỉ đạo 100% cấp xã cập nhật phương án ứng phó theo từng cấp độ rủi ro thiên tai, bám sát phương châm “bốn tại chỗ” và nguyên tắc di dời thích ứng. Tổ chức rà soát, kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn toàn bộ hồ chứa thủy lợi, thủy điện, công trình xung yếu; xây dựng kịch bản ứng phó tình huống khẩn cấp cho vùng hạ du.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà tránh trú bão lũ, nhà phao và hạ tầng kết nối liên vùng; rà soát, tổng hợp nhu cầu trang thiết bị từ nguồn dự trữ quốc gia, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét bổ sung. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong dự báo, cảnh báo; đổi mới phương thức tập huấn, diễn tập phòng thủ dân sự, nâng cao kỹ năng ứng phó thiên tai cho người dân.

c) Trách nhiệm thi hành, báo cáo

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các giải pháp, thời hạn khắc phục những nội dung cam kết chất vấn nêu trên; lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo, phân công, đôn đốc triển khai đảm bảo tiến độ, kết quả thực hiện; Người bị chất vấn, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước tháng 12/2026 để giám sát theo quy định.

3. Công tác tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ công.

a) Kết quả thực hiện, trách nhiệm, hạn chế và nguyên nhân qua trả lời của người bị chất vấn (Giám đốc Sở Nội vụ)

Sở Nội vụ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quán triệt, ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thành lập và tổ chức vận hành 102 Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cấp xã theo tinh thần Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và Kế hoạch số 11-KH/TU ngày 31/10/2025 của Tỉnh ủy về sắp xếp tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị tỉnh. Sở Nội vụ đã tham mưu kiện toàn, bổ sung các nhóm nhiệm vụ trọng tâm gắn với thực tế địa phương; hướng dẫn bố trí, sắp xếp nhân sự; tham mưu điều chỉnh, phân bổ tạm thời biên chế viên chức 08 biên chế đối với phường, xã trung tâm và 06 biên chế đối với các xã còn lại.

Tuy nhiên, tình trạng thiếu hụt nhân lực, biên chế tại các Trung tâm còn lớn. Tổng số biên chế hiện có là 692/1.530 biên chế, còn thiếu 838 biên chế so với định mức tối thiểu bình quân 15 biên chế/đơn vị để vận hành đầy đủ 13 nhóm nhiệm

vụ. Cơ chế trang bị phương tiện, điều kiện làm việc phục vụ chức năng, nhiệm vụ chuyên biệt của Trung tâm chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể; có nguy cơ phát sinh thêm “khâu trung gian” trong quy trình cung ứng dịch vụ công nếu không phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và chức năng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

Nguyên nhân chủ yếu vì đây là mô hình đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã mới được thành lập, Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ chưa kịp thời bổ sung, phân bổ chỉ tiêu biên chế chính thức cho địa phương; công tác phối hợp, tham mưu ban hành tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị, tài sản chuyên dùng còn chậm, chưa đồng bộ với tiến độ thành lập bộ máy.

b) Giải pháp, thời hạn khắc phục người trả lời chất vấn cam kết thực hiện

Rà soát, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm, cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước, Trung tâm thực hiện cung ứng dịch vụ sự nghiệp công; thực hiện nguyên tắc một việc chỉ giao một đơn vị chủ trì, không chồng chéo nhiệm vụ.

Ban hành quy chế phối hợp giữa Trung tâm, cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; kiện toàn nhân sự, tổ chức rà soát, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu; rà soát, đề nghị giao biên chế từ nguồn thu sự nghiệp để chủ động trong quản lý, sử dụng biên chế. Xây dựng lộ trình tăng tính tự chủ tài chính đối với các nhiệm vụ có điều kiện về nguồn thu sự nghiệp như quản lý dự án, giải phóng mặt bằng, quản lý đất đai, quản lý, kinh doanh, khai thác nhà, tài sản và các dịch vụ sự nghiệp khác có thu.

c) Trách nhiệm thi hành, báo cáo

Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm thực hiện các giải pháp, thời hạn khắc phục những nội dung cam kết chất vấn nêu trên; báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước tháng 12/2026 để giám sát theo quy định.

4. Công tác phát triển kinh tế - hỗ trợ doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

a) Kết quả thực hiện, trách nhiệm, hạn chế và nguyên nhân qua trả lời của người bị chất vấn (Giám đốc Sở Tài chính)

Sở Tài chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác điều hành, phân bổ, quản lý nguồn lực tài chính - ngân sách; triển khai các nhiệm vụ, giải pháp duy trì đà tăng trưởng kinh tế, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Một số chỉ tiêu đạt kết quả tích cực: sản xuất công nghiệp vượt 1,3% kịch bản, tổng kim ngạch xuất khẩu vượt 11%, thu hút khách du lịch vượt 15,12%, số doanh nghiệp thành lập mới tăng 41% với 1.991 doanh nghiệp; 442 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động. Sở Tài chính đã tham mưu

cắt giảm 50% thời gian giải quyết một số thủ tục hành chính, triển khai thí điểm cơ chế “luồng xanh” từ tháng 6/2026, duy trì Chương trình “Cà phê doanh nhân” 02 lần/tháng và phối hợp triển khai các hoạt động kết nối tín dụng, xúc tiến thương mại, hỗ trợ chuyển đổi số, đào tạo nguồn nhân lực.

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng GRDP 6 tháng đầu năm ước đạt 7,84%, thấp hơn kịch bản 9,16%, chưa tạo nền tảng vững chắc để đạt mục tiêu tăng trưởng cả năm từ 10% trở lên. Tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã còn khó khăn, sức chống chịu kém; có 428 doanh nghiệp giải thể, tăng 98,1%; 1.209 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, tăng 12,3%; 255 hợp tác xã ngừng hoạt động. Khó khăn tập trung lớn ở lĩnh vực thương mại, chiếm 34% số doanh nghiệp giải thể và 32% số doanh nghiệp tạm ngừng; lĩnh vực xây dựng chiếm 10% số doanh nghiệp giải thể và 19% số doanh nghiệp tạm ngừng.

Nguyên nhân chủ yếu do sức mua và thị trường tiêu thụ phục hồi chậm, doanh nghiệp thiếu đơn hàng; chi phí nguyên vật liệu, logistics, vận tải ở mức cao; khả năng tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp nhỏ và vừa còn hạn chế. Quy mô nội tại của doanh nghiệp, hợp tác xã chủ yếu là nhỏ và vừa; năng lực tài chính, quản trị, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng thương hiệu và liên kết chuỗi giá trị còn yếu.

b) Giải pháp, thời hạn khắc phục người trả lời chất vấn cam kết thực hiện

Triển khai quyết liệt, hiệu quả Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 11/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2026. Tiếp tục rà soát, tham mưu rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp; sơ kết cơ chế “luồng xanh” để xem xét nhân rộng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn.

Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 11 và các tổ chức tín dụng tăng cường kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã với các chương trình tín dụng ưu đãi; tháo gỡ dứt điểm các điểm nghẽn về đất đai, thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đơn hàng mới; hỗ trợ chuyển đổi số, đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu, nâng cao năng lực quản trị cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã.

Thiết lập cơ chế định kỳ rà soát, phân tích sâu tình hình hoạt động của doanh nghiệp theo từng ngành, lĩnh vực, nhất là thương mại và xây dựng, để kịp thời tham mưu các biện pháp hỗ trợ phù hợp đối với doanh nghiệp, hợp tác xã có nguy cơ giải thể, tạm ngừng hoạt động.

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chương trình, giải pháp triển khai các nội dung trọng tâm của các Nghị quyết trụ cột của Bộ Chính trị, đặc biệt là Nghị quyết 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ

Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, nhằm tạo điều kiện để doanh nghiệp, HTX tiếp cận các nguồn tín dụng thông qua các kênh hỗ trợ của nhà nước như Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ; tháo gỡ rào cản và khơi thông nguồn lực tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nguồn lực đất đai, vốn, thị trường, lao động...giúp kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế. Có bước đột phá trong việc áp dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cải cách hành chính, giúp doanh nghiệp ứng dụng hiệu quả vào hoạt động, sản xuất, kinh doanh, tìm kiếm thị trường, truy xuất nguồn gốc sản phẩm... để doanh nghiệp, HTX có cơ hội tham gia vào các thị trường tiềm năng của khu vực.

c) Trách nhiệm thi hành, báo cáo

Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm thực hiện các giải pháp, thời hạn khắc phục những nội dung cam kết chất vấn nêu trên; báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước tháng 12/2026 để giám sát theo quy định.

5. Công tác quản lý đất đai; quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường.

a) Kết quả thực hiện, trách nhiệm, hạn chế và nguyên nhân qua trả lời của người bị chất vấn (Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu, đôn đốc, tổ chức thẩm định phương án sử dụng đất của Công ty TNHH Cao su và Lâm nghiệp Phước Hòa Đắk Lắk và Công ty TNHH Chế biến thực phẩm và Lâm nghiệp Đắk Lắk; ban hành các văn bản đôn đốc doanh nghiệp hoàn thiện phương án sử dụng đất; tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định 985 và tổ chức thẩm định trong tháng 5, tháng 6 năm 2025; chủ động tham mưu tháo gỡ chuyên môn, triển khai phần ngoại nghiệp Dự án điều tra, kiểm kê rừng; ban hành Tờ trình số 481/TTr-SNNMT ngày 29/5/2026 đề nghị phê duyệt kết quả điều tra rừng; ban hành Công văn số 6378/SNNMT-CCKL ngày 24/6/2026 chỉ đạo rà soát, thống kê biến động diện tích đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm.

Tuy nhiên, đến nay phương án sử dụng đất của 02 doanh nghiệp chưa được phê duyệt chính thức, dẫn đến việc ký hợp đồng thuê đất, thuê rừng chậm, tiềm ẩn nguy cơ suy giảm tài nguyên rừng và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đối với Công ty TNHH Cao su và Lâm nghiệp Phước Hòa Đắk Lắk, còn vướng việc Ủy ban nhân dân xã Ea Rôk chưa ký xác nhận bản đồ phương án sử dụng đất; số liệu hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm chưa được chuẩn hóa, cập nhật đồng bộ. Đối với Công ty TNHH Chế biến thực phẩm và Lâm nghiệp Đắk Lắk, hồ sơ phương án sử dụng đất đang trong quá trình chỉnh sửa, bổ sung; chưa hoàn thiện số liệu hiện trạng theo dõi diễn biến rừng đến ngày 31/12/2025.

Nguyên nhân chủ yếu là do Luật Đất đai năm 2024 có nhiều điểm mới về thủ tục lập phương án sử dụng đất đối với công ty nông, lâm nghiệp; tình trạng lấn, chiếm, xâm canh đất rừng phức tạp, kéo dài qua nhiều thời kỳ; kết quả Dự án điều tra, kiểm kê rừng của tỉnh chưa được phê duyệt chính thức để đồng bộ số liệu; sự phối hợp giữa doanh nghiệp và chính quyền cấp xã trong xác định ranh giới, ký bản đồ địa chính chưa chặt chẽ, chưa dứt điểm.

b) Giải pháp, thời hạn khắc phục người trả lời chất vấn cam kết thực hiện

Sớm phê duyệt Phương án sử dụng đất của 02 công ty, tập trung thực hiện các giải pháp sau: (1) sau khi UBND tỉnh phê duyệt kết quả Điều tra rừng thuộc Dự án Điều tra, kiểm kê rừng tỉnh Đắk Lắk (cũ) hướng dẫn 02 công ty cập nhật ngay số liệu hiện trạng diễn biến rừng đến ngày 31/12/2025 và kết quả điều tra, kiểm kê rừng vào Phương án và nộp hồ sơ Phương án sử dụng đất. (2) Sau khi nhận được Phương án sử dụng đất hoàn thiện của 02 đơn vị, khẩn trương thẩm định và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Phương án sử dụng đất. (3) Sau khi Phương án sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt; tập trung tham mưu UBND tỉnh thực hiện các thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao rừng, cho thuê rừng đối với 02 Công ty theo quy định; đồng thời thực hiện thủ tục thu hồi phần diện tích đất bàn giao về địa phương quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Trách nhiệm thi hành, báo cáo

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm thực hiện các giải pháp, thời hạn khắc phục những nội dung cam kết chất vấn nêu trên; báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước tháng 12/2026 để giám sát theo quy định.

6. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa

6.1. Về công tác quản lý, bảo quản và phát huy giá trị tài liệu, hiện vật có giá trị lịch sử, văn hóa (sắc phong, ấn chỉ...) sau thiên tai năm 2025.

a) Kết quả thực hiện, trách nhiệm, hạn chế và nguyên nhân qua trả lời của người bị chất vấn (Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu ban hành Kế hoạch số 66/KH-SVHTTDL ngày 27/3/2026 về kiểm kê và công bố Danh mục kiểm kê di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo di dời an toàn Bộ Sắc phong bản gốc tại Di tích quốc gia Mộ và Đền thờ Lương Văn Chánh trước khi lũ đạt đỉnh; chỉ đạo xử lý khẩn cấp tài liệu, hiện vật tại Di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia Lầm Phú Lâm, trong đó đã mở và xử lý thành công 01 sắc phong thời vua Khải Định năm 1924. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ động phối hợp với Văn phòng UNESCO tại Hà Nội khảo sát thực địa, tham mưu đề xuất Phi dự án hỗ trợ ứng phó khẩn cấp đối với di sản văn hóa tại miền Trung Việt Nam sau bão, lũ lịch sử năm 2025 từ nguồn viện trợ không hoàn lại của Quỹ Hỗ trợ Khẩn cấp Di sản của UNESCO.

Tuy nhiên, hệ thống di sản tư liệu như sắc phong, ấn chỉ, gia phả phần lớn chưa được kiểm kê đầy đủ, chưa được lập hồ sơ khoa học, chưa được số hóa đồng bộ; nhiều sắc phong tại di tích và trong cộng đồng bị ngập nước, hư hỏng nặng, kết dính chặt thành cuộn, có nguy cơ tiêu hủy nếu không được xử lý chuyên sâu kịp thời; điều kiện bảo quản tại di tích cơ sở, nhà thờ dòng họ, đình, đền còn thô sơ, thiếu hộp bảo quản chuyên dụng và thiết bị kiểm soát độ ẩm.

Nguyên nhân chủ yếu là do tác động bất khả kháng của mưa lũ lịch sử năm 2025; tài liệu giấy sắc, vãi có tuổi đời hàng trăm năm đã xuống cấp tự nhiên, rất nhạy cảm với độ ẩm, nấm mốc; trước khi Luật Di sản văn hóa năm 2024 có hiệu lực, loại hình di sản tư liệu chưa được quy định đầy đủ, dẫn đến chậm trễ trong lập hồ sơ quản lý; nguồn lực, nhân lực chuyên ngành phục hồi tài liệu giấy cổ còn hạn chế, một số dòng họ, cá nhân còn e ngại trong việc giao nộp hoặc đưa sắc phong đi xử lý, bảo quản.

b) Giải pháp, thời hạn khắc phục người trả lời chất vấn cam kết thực hiện

Triển khai Phi dự án khẩn cấp của UNESCO; đánh giá hiện trạng, làm sạch, khử mốc, bảo quản, phục hồi các sắc phong, hiện vật bị kết dính, hư hỏng tại Di tích Lẫm Phú Lâm và Di tích Thành An Thổ. Tổng kiểm kê, lập danh mục, đánh giá hiện trạng toàn bộ tài liệu, sắc phong, ấn chỉ đang lưu giữ tại các di tích và trong cộng đồng theo Kế hoạch số 66/KH-SVHTTDL.

Đẩy mạnh số hóa di sản tư liệu, quét độ phân giải cao, xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử đối với sắc phong, văn bản Hán Nôm; hỗ trợ trang thiết bị bảo quản tại chỗ, hướng dẫn quy trình ứng phó thiên tai khẩn cấp cho cơ sở; tham mưu cơ chế khuyến khích gia đình, dòng họ ký gửi di sản vào Bảo tàng tỉnh, lồng ghép nguồn vốn chương trình mục tiêu văn hóa để bảo tồn bền vững.

c) Trách nhiệm thi hành, báo cáo

Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm thực hiện các giải pháp, thời hạn khắc phục những nội dung cam kết chất vấn nêu trên; báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước tháng 12/2026 để giám sát theo quy định.

6.2. Về công tác bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hoá phi vật thể Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên trên địa bàn tỉnh

a) Kết quả thực hiện, trách nhiệm, hạn chế và nguyên nhân qua trả lời của người bị chất vấn (Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu ban hành 05 nghị quyết chuyên đề, các kế hoạch dài hạn, trung hạn về bảo tồn, phát huy văn hóa cồng chiêng; cấp phát 214 bộ chiêng các loại, 1.140 bộ trang phục thổ cẩm cho cơ sở. Toàn tỉnh duy trì khoảng 481 đội chiêng, đội văn nghệ tại thôn, buôn; có 3.749 nghệ nhân đang nắm giữ di sản, trong đó 1.015 nghệ nhân trẻ được đào tạo kế cận;

thành lập mới trên 50 câu lạc bộ công chiêng, đội chiêng truyền thống từ năm 2022 đến nay. Cấp tỉnh đã tổ chức 62 lớp truyền dạy nhạc cụ, kỹ thuật chỉnh âm, tập huấn nghiệp vụ; cấp xã tổ chức khoảng 160 lớp truyền dạy cho gần 6.000 học viên; phục dựng, duy trì hơn 140 nghi lễ truyền thống gắn với công chiêng tại cộng đồng; tổ chức 96 kỳ biểu diễn văn hóa công chiêng phục vụ hơn 48.000 lượt khách, 22 chuyên đề trưng bày, triển lãm lưu động thu hút hơn 169.000 lượt khách tham quan.

Tuy nhiên, hoạt động thực hành công chiêng trong đời sống cộng đồng chưa đồng đều, thiếu bền vững, có xu hướng hành chính hóa, chủ yếu phụ thuộc vào hội thi, liên hoan, sự kiện do Nhà nước tổ chức; hiệu quả quản lý sau hỗ trợ chưa cao; một số lớp truyền dạy thiếu cơ chế theo dõi học viên sau đào tạo, một số đội chiêng trẻ thiếu duy trì tập luyện. Tính đến năm 2024, toàn tỉnh còn 1.603 bộ chiêng, giảm 704 bộ, tương đương 30,5% so với năm 2011 và giảm 495 bộ, tương đương 23,6% so với năm 2020. Việc gắn kết bảo tồn với giáo dục, du lịch cộng đồng và sinh kế văn hóa còn rời rạc.

Nguyên nhân chủ yếu là do không gian văn hóa truyền thống bị thu hẹp; sự biến đổi đời sống tôn giáo, tín ngưỡng làm giảm tần suất thực hành nghi lễ gắn với công chiêng; lực lượng nghệ nhân lớn tuổi ngày càng giảm; thanh thiếu niên chịu áp lực sinh kế, giảm thời gian thực hành di sản; phương thức bảo tồn chậm đổi mới, chưa chuyển mạnh từ tổ chức sự kiện sang duy trì thực hành thường xuyên tại cộng đồng; hậu kiểm sau hỗ trợ vật chất chưa thường xuyên, trách nhiệm quản lý trực tiếp của chính quyền cơ sở chưa rõ nét.

b) Giải pháp, thời hạn khắc phục người trả lời chất vấn cam kết thực hiện

Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND ngày 26/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030; hướng dẫn cấp xã rà soát, lập danh sách, xác định nhu cầu hỗ trợ chiêng, trang phục, truyền dạy, phục dựng. Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý di sản công chiêng cấp tỉnh, gồm thông tin về đội chiêng, nghệ nhân, tình trạng sử dụng bộ chiêng được cấp phát.

Củng cố, duy trì không gian thực hành tại cơ sở; định hướng mỗi xã, phường có cộng đồng thực hành công chiêng phải duy trì ít nhất 01 đội chiêng hoặc câu lạc bộ hoạt động thường xuyên; quy định tần suất sinh hoạt tối thiểu 01 lần/quý đối với đơn vị nhận hỗ trợ từ ngân sách. Tổ chức lớp truyền dạy gắn với đánh giá đầu ra và bàn giao học viên về đội chiêng địa phương; cải tiến tiêu chí chấm điểm tại hội diễn, liên hoan theo hướng chú trọng quá trình thực hành thường xuyên, tỷ lệ người trẻ tham gia, hạn chế sân khấu hóa làm sai lệch bản chất di sản.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm việc quản lý, sử dụng bộ chiêng, trang phục đã cấp phát; lấy kết quả kiểm tra làm căn cứ xét duyệt hỗ trợ tiếp theo. Xây dựng mô hình bảo tồn gắn với sinh kế cộng đồng, du lịch trải nghiệm văn hóa, sản phẩm OCOP; đồng thời bảo vệ tính thiêng của di sản, không thương mại hóa hoặc biến nghi lễ thiêng thành dịch vụ biểu diễn thuần túy khi chưa có sự đồng thuận của già làng, nghệ nhân. Nghiên cứu áp dụng chỉ số thực hành văn hóa công chiêng trong xét duyệt danh hiệu thôn, buôn văn hóa, xã nông thôn mới tại địa bàn có di sản; nghiên cứu yêu cầu đánh giá tác động di sản văn hóa trong thẩm định quy hoạch, dự án tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Trách nhiệm thi hành, báo cáo

Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm thực hiện các giải pháp, thời hạn khắc phục những nội dung cam kết chất vấn nêu trên; báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước tháng 12/2026 để giám sát theo quy định.

7. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho người dân tại khu tái định cư.

a) Kết quả thực hiện, trách nhiệm, hạn chế và nguyên nhân qua trả lời của người bị chất vấn (Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông và Nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh)

Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và Nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh đã có nhiều nỗ lực trong triển khai Dự án Hồ chứa nước Krông Pách Thượng. Ban Quản lý đã hoàn thành bàn giao 100% lô đất ở và lô đất trồng lúa nước cho 298 hộ dân di dời về Khu tái định cư số 1; chủ động ký hợp đồng tư vấn để triển khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đã tiếp cận, triển khai quy trình cho 214/298 hộ; đến nay, đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 25 hộ dân, ban hành quyết định giao đất cho 39 hộ, kê khai và thu thập căn cước công dân đối với 150 hộ. Ban Quản lý cũng đã thực hiện phương án linh hoạt đối với diện tích thiếu do địa hình, giao thêm đất lúa đối với các hộ bốc thăm trúng lô đất màu có diện tích nhỏ và điều chỉnh chi trả lại tiền cho người dân theo đúng quy định khấu trừ của Kiểm toán Nhà nước.

Tuy nhiên, tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chậm, mới đạt 25/240 hộ theo phản ánh của đại biểu chất vấn; diện tích đất sản xuất lúa nước giao cho người dân chưa đồng đều, một số hộ chưa đủ định mức 5.000 m² theo quy định; công tác bàn giao đất trồng màu tại thực địa chưa hoàn thành, trong tổng số 240 hộ mới chỉ bàn giao được 25 hộ, số còn lại đã bốc thăm nhưng chưa được bàn giao đất trên thực địa.

Nguyên nhân chủ yếu là do vướng mắc quy hoạch cũ; các hộ dân xây dựng nhà không theo quy hoạch đồng nhất, gây khó khăn cho đơn vị tư vấn trong trích lục, định vị thửa đất; một bộ phận đồng bào người Mông thường xuyên đi làm ăn xa, khó tập hợp nhân khẩu để kê khai; đơn vị tư vấn gặp khó khăn về tài chính, nhân sự và xin chấm dứt hợp đồng ngày 08/01/2026; diện tích đất cánh đồng màu còn 90,3 ha chưa bàn giao cho các hộ dân, do một số hộ dân có đất bị thu hồi không thống nhất với phương án bồi thường, hỗ trợ do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đang khiếu kiện tại Tòa án. Công tác phối hợp, đôn đốc giữa chủ đầu tư, địa phương và đơn vị tư vấn có lúc chưa kịp thời, chưa triệt để.

b) Giải pháp, thời hạn khắc phục người trả lời chất vấn cam kết thực hiện

Đối với công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và Nông nghiệp phát triển nông thôn thực hiện theo đúng quy định, không làm thất thoát ngân sách; khẩn trương lựa chọn, ký hợp đồng với đơn vị tư vấn mới có đủ năng lực, chuyên môn để tiếp tục kê khai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phàn đấu hoàn thành trước ngày 31/12/2026.

Đối với công tác bàn giao đất sản xuất và đất trồng màu, tập trung phối hợp với các cơ quan chức năng đẩy nhanh phê duyệt phương án bồi thường điều chỉnh, hoàn thành đầu tháng 7/2026; thực hiện thu hồi đất đúng quy định đối với các trường hợp cố tình không bàn giao mặt bằng, hoàn thành trong tháng 7/2026; tổ chức cắm mốc, phân lô, bàn giao đất thực địa cho người dân trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng sạch.

c) Trách nhiệm thi hành, báo cáo

Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông và Nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện các giải pháp, thời hạn khắc phục những nội dung cam kết chất vấn nêu trên; báo cáo kết quả thực hiện cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước tháng 12/2026 để thực hiện giám sát theo quy định.

8. Công tác phòng, chống ma túy

a) Kết quả thực hiện, trách nhiệm, hạn chế và nguyên nhân qua trả lời của người bị chất vấn (Giám đốc Công an tỉnh)

Công an tỉnh đã chủ động tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, triển khai nhiều văn bản chỉ đạo về phòng, chống và kiểm soát ma túy, trọng tâm là Kế hoạch số 278-KH/TU ngày 05/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 30/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện

Kết luận số 132 ngày 18/3/2025 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 03-CT/TU ngày 08/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phòng, chống, kiểm soát ma túy, xây dựng xã, phường không ma túy. Công an tỉnh đã tăng cường đấu tranh, triệt phá các chuyên án, đường dây vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, nhất là hoạt động liên tuyến, liên tỉnh, lợi dụng không gian mạng; thường xuyên quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện, người sau cai nghiện theo phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng đối tượng”.

Tuy nhiên, một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, nhất là ở cơ sở chưa quan tâm thường xuyên, đúng mức; còn coi công tác phòng, chống ma túy là nhiệm vụ của lực lượng Công an. Sự phối hợp giữa các ban, ngành chức năng, giữa gia đình, nhà trường và xã hội chưa thật sự đáp ứng yêu cầu; công tác quản lý người nghiện, người sử dụng, người sau cai nghiện còn bất cập; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong phòng, chống ma túy chưa đi vào chiều sâu, mô hình phòng, chống ma túy còn thiếu và hiệu quả chưa cao; việc phát hiện, tố giác tội phạm và tệ nạn ma túy từ cơ quan, đoàn thể và Nhân dân còn hạn chế.

b) Giải pháp, thời hạn khắc phục người trả lời chất vấn cam kết thực hiện

Triển khai đồng bộ quy định về giám sát điện tử trong quản lý người nghiện và người sau cai nghiện theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2025; vận dụng hiệu quả Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ tín dụng nhằm giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ tái nghiện.

Huy động sức mạnh hệ thống chính trị cơ sở, thành lập các Tổ xung kích, Tổ rà soát, tiến hành rà soát cuốn chiếu tại 100% hộ dân, tổ liên gia; ký cam kết và xét nghiệm nhanh đối với đối tượng có nguy cơ cao. Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy đấu tranh theo phương châm triệt xóa toàn bộ đường dây, không cắt khúc hoạt động điều tra.

Tập trung chuyển hóa các xã, phường trọng điểm, phức tạp loại III; bảo vệ, giữ vững các địa bàn đã đạt chuẩn. Phân đấu đạt mục tiêu tối thiểu 30% đơn vị hành chính cấp xã không ma túy trong năm 2026, hướng tới đạt 50% vào năm 2030.

c) Trách nhiệm thi hành, báo cáo

Giám đốc Công an tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện các giải pháp, thời hạn khắc phục những nội dung cam kết chất vấn nêu trên; báo cáo kết quả thực hiện cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước tháng 12/2026 để thực hiện giám sát theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; xây dựng kế hoạch cụ thể gắn với trách nhiệm của tập thể, cá nhân phụ trách. Ủy

ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Nghị quyết về chất vấn gửi về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời, báo cáo tại các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh để đại biểu, cử tri và Nhân dân theo dõi, giám sát.

2. Người trả lời chất vấn (*người bị chất vấn*) chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện các nội dung đã cam kết; báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Nghị quyết này để phục vụ giám sát; đồng thời báo cáo tại các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát chặt chẽ việc thực hiện các nội dung cam kết và lộ trình đã nêu trong Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An